

BỘ NỘI VỤ

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH
NHIỆM KỲ 2021- 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2021

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

1. Đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ- Trưởng ban.
2. Đồng chí Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ- Phó Trưởng ban.
3. Đồng chí Lại Đức Vượng, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ- Ủy viên.
4. Đồng chí Đặng Xuân Hoan, Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia - Ủy viên.

THƯỜNG TRỰC BIÊN SOẠN

1. PGS.TS. Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ- Trưởng ban;
2. TS. Đặng Xuân Hoan, Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia- Phó Trưởng ban.
3. TS. Lại Đức Vượng, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ- Phó trưởng ban.
4. GS.TS. Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương- Chuyên gia.
5. GS.TS. Vũ Văn Hiền, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương- Chuyên gia.
6. PGS.TS. Lương Thanh Cường, Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia- Thư ký.

NHÓM BIÊN SOẠN

CHUYÊN ĐỀ 1

1. PGS.TS. Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
2. PGS.TS. Lương Thanh Cường, Học viện Hành chính Quốc gia;
3. TS. Đoàn Văn Dũng, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 2

1. PGS.TS. Trần Thị Diệu Oanh, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Lê Thị Hương, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 3

1. TS. Nguyễn Đăng Quế, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Đặng Khắc Ánh, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 4

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hải, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS. Nguyễn Hải Long, Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử, Văn phòng Quốc hội.

CHUYÊN ĐỀ 5

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Vân, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Lưu Kiếm Thanh, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 6

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hải, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, Học viện Hành chính Quốc gia.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CQĐP	Chính quyền địa phương
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
HĐND	Hội đồng nhân dân
NSNN	Ngân sách nhà nước
TAND	Tòa án nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
UBND	Ủy ban nhân dân
VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân

MỤC LỤC

Chuyên đề 1 TẦM NHÌN, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC.....	1
Chuyên đề 2 CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH.....	37
Chuyên đề 3 KỸ NĂNG CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH TRONG THAM GIA XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT, THẨM TRA BÁO CÁO, ĐỀ ÁN.....	77
Chuyên đề 4 KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH, THẢO LUẬN, TRANH LUẬN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH.....	106
Chuyên đề 5 KỸ NĂNG TIẾP XÚC VÀ THAM VẤN Ý KIẾN CỬ TRI, TIẾP CÔNG DÂN, TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CƠ QUAN BÁO CHÍ CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH.....	140
Chuyên đề 6 KỸ NĂNG GIÁM SÁT CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH..	182

Chuyên đề 1

TẦM NHÌN, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

I. Bối cảnh thế giới, bối cảnh trong nước và yêu cầu đặt ra đối với tầm nhìn phát triển đất nước

1. Bối cảnh thế giới

Hiện tại, các quốc gia đang đứng trước nhiều thách thức. Các thách thức đặt ra với mỗi quốc gia không còn trong tầm kiểm soát một cách đơn giản như trước mà là những thách thức nan giải, khó kiểm soát. Đặc trưng nan giải được thể hiện ở tính phức hợp, nhiều bên liên quan, biến động liên tục, khó đoán định và ảnh hưởng lâu dài. Đó là những thách thức phức tạp như thảm họa tự nhiên khó lường (biến đổi khí hậu; dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid- 19; lũ lụt; động đất; nước biển dâng, ngập mặn, hạn hán; cháy rừng...), khủng hoảng kinh tế (nợ công, gián đoạn chuỗi sản xuất toàn cầu...) hay các vấn đề xã hội (chủ nghĩa khủng bố, vấn đề an ninh thông tin, an ninh lương thực...).

Những vấn đề này đang tạo ra các nguy cơ đối với giá trị truyền thống vốn từng là nền tảng của ổn định và phát triển xã hội, đối với việc đạt được các mục tiêu phát triển và phát triển bền vững trong khu vực hoặc trong quốc gia. Để giải quyết và quản lý các vấn đề này một cách chủ động, hiệu quả thì các quốc gia cần huy động được trí tuệ, sự cam kết và nguồn lực của các bên liên quan. Điều này dẫn đến đòi hỏi các ngành, các địa phương phải có sự phối hợp đồng bộ, khắc phục sự thiếu hụt về nguồn lực, năng lực để giải quyết các vấn đề của ngành, địa phương mình, qua đó, góp phần giải quyết những vấn đề chung của cả nước.

Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế gắn liền với việc tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, khai thác lợi thế so sánh của mỗi quốc gia. Vì vậy, một lần nữa, cần thiết đặt ra câu hỏi về năng lực của mỗi quốc gia trong việc tạo ra được sức mạnh nội lực của mình thông qua việc sử dụng các phương thức điều hành thích hợp nhằm huy động được sức mạnh tổng thể trên nền các lợi thế đặc thù cả nước cũng như của từng ngành, địa phương.

Theo nghĩa đó, cách tiếp cận hệ thống động có một ý nghĩa quan trọng. Theo lý thuyết hệ thống, tính gắn kết của các tiểu hệ thống tạo nên đặc trưng và sức mạnh của đại hệ thống. Tuy nhiên, mỗi tiểu hệ thống có tính năng động của nó và cần được tính tới trong các can thiệp vào hệ thống. Tính chất động trong tiếp cận hệ thống động đòi hỏi các quốc gia cần tính tới yếu tố “thời” hay “thời thế” của bối cảnh để thay đổi phương thức điều hành quốc gia theo cách “dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động đến mỗi quốc gia và toàn cầu với cường độ, tốc độ, phạm vi ngày càng gia tăng. Sự tác động này không phải là sự tác động tuyến tính, tác động theo cấp số cộng mà là sự tác động theo cấp số nhân, cấp số mũ. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra nhiều câu hỏi lớn cho các quốc gia như: làm thế nào để phát triển thịnh vượng, bền vững, người dân được thụ hưởng những thành quả tốt nhất từ phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngoài công nghệ thông tin, các lĩnh vực có sự đột phá mạnh mẽ hàng đầu còn bao gồm y học, năng lượng, sinh học, môi trường,... Chuyển đổi số trở thành xu hướng chung được đẩy mạnh trong hầu hết các lĩnh vực như một nguồn động lực quan trọng của phát triển. Các quốc gia trên thế giới đứng trước cơ hội hiếm có để bứt phá. Cơ hội “nhảy vọt” về phát triển đang hiện hữu do mức độ tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đánh giá là cao hơn hàng trăm lần so với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây.

Đại dịch COVID-19 đang tác động mạnh mẽ đến đời sống toàn cầu. COVID-19 cũng tác động lên chuỗi giá trị toàn cầu thông qua các trung tâm của chuỗi. Trong đại dịch COVID-19, các quốc gia chịu tác động nặng nề cũng là các trung tâm của mạng sản xuất toàn cầu. Khi đại dịch bùng nổ, lan rộng, lây nhiễm với nhiều biến thể, các biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện ở những cấp độ khác nhau, nhiều hoạt động sản xuất tạm dừng lại. Chuỗi cung ứng bị đứt đoạn ảnh hưởng đến các hoạt động đầu tư, sản xuất, thương mại toàn

cầu, từ đó làm suy giảm tăng trưởng nền kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, khu vực nói riêng.

Xu thế toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế là một tất yếu khách quan, sự phát triển của kinh tế thế giới tất yếu phải gắn với toàn cầu hóa, phân công lao động quốc tế, lưu chuyển các nguồn lực phát triển. Tuy nhiên, quá trình này cũng đang gặp phải những thách thức về khả năng trao đổi, kết nối. Dịch bệnh COVID-19, chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy các xu hướng bảo hộ thương mại, chuyển dịch sản xuất từ ngoài nước về trong nước. Những giải pháp về công nghệ chưa thể giải quyết được bài toán trao đổi, chia sẻ, hợp tác đúng nghĩa. Vì vậy, các quốc gia sẽ không lựa chọn xu hướng phi toàn cầu hóa mà chuyển đổi phương thức mô hình, toàn diện hơn, cân trọng hơn.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhận định: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn... Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn, điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hoà bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,... tiếp tục diễn biến phức tạp.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hoà bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hoà bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn”¹.

Bối cảnh trên đòi hỏi quản trị quốc gia, quản trị địa phương cần có cách tiếp cận phù hợp, nhận diện được những tác động của bối cảnh quốc tế đến quốc gia và đến các địa phương để từ đó xác định được tầm nhìn, mục tiêu, giải pháp phù hợp cho sự phát triển bền vững của đất nước, sự trường tồn của quốc gia, dân tộc.

2. Bối cảnh trong nước

Đất nước đã qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quy mô, trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước được nâng lên. Đây là động lực, nguồn lực quan trọng để đất nước ta vượt qua khó khăn, thách thức, phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII đánh giá “Ở trong nước, sau 35 năm đổi mới, thể và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”².

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 105- 107.

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 107.

Theo đó, "kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, được tiến hành quyết liệt, có hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống". Sự thống nhất, phối hợp đồng bộ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường. Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Đặc biệt, trong năm 2020, đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến nước ta, gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội và sự phát triển của đất nước, nhưng nhờ phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự tham gia đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự đồng lòng ủng hộ của nhân dân, chúng ta đã từng bước kiểm soát thành công đại dịch Covid-19; từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội; ổn định đời sống, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; khẳng định bản lĩnh, ý chí, truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, dân tộc ta"³.

Về kinh tế, "tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 vẫn đạt khoảng 6%/năm (riêng năm 2020 tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91% là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới). Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020, GDP đạt 271,2 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD/người). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện,

³ Xem thêm: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 107.

năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011 - 2015 lên 5,9%/năm giai đoạn 2016 – 2020”⁴.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Việc phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường; việc phát triển đồng bộ các vùng, miền, địa phương trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng vẫn còn nhiều hạn chế. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Xu hướng già hóa dân số, đô thị hóa tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng ngày càng lớn đến sự phát triển đất nước. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là yêu cầu cấp thiết, đồng thời là những thách thức rất lớn đối với nước ta trong thời gian tới.

3. Yêu cầu đặt ra đối với tầm nhìn phát triển đất nước

Tầm nhìn, theo nguyên nghĩa là khoảng cách xa nhất mà mắt có thể nhìn thấy; nhưng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, tầm nhìn được hiểu không chỉ là khả năng nhìn xa về khoảng cách không gian, mà cả khoảng cách thời gian, là năng lực tiên liệu được tương lai, xác định được tương lai muốn đạt đến một cách có căn cứ, không phải là những điều viễn vông, mơ mộng. Đó là năng lực “nhìn xa, trông rộng”, năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình, dự báo, xác định được tổ chức mình hay đất nước mình sẽ như thế nào trong tương lai. Tương lai mà tầm nhìn xác định không phải là tương lai gần, ngắn trong một, hai năm mà là tương lai xa, có khoảng cách thời gian dài có thể là 10, 20 năm, một thời kỳ, một giai đoạn phát triển. Do đó, tầm nhìn thường gắn với chiến lược, là tầm nhìn chiến lược; gắn với mục tiêu, là cơ sở, định hướng cho việc xác định

⁴ Xem thêm: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, trang 61.

mục tiêu và các nhiệm vụ chiến lược cần phải thực hiện để đạt được tầm nhìn đó. Tầm nhìn còn gắn với sứ mệnh, thể hiện mong muốn, niềm tin vào vai trò, giá trị, ý nghĩa của sự tồn tại, phát triển tổ chức, đất nước mình trong tương lai.

Tầm nhìn là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu về năng lực, phẩm chất của người lãnh đạo, của một đảng chính trị, nhất là đảng cầm quyền. Tầm nhìn thể hiện lý tưởng phấn đấu, thể hiện mục tiêu cần đạt được, là cơ sở để xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện; để thống nhất tư tưởng, đoàn kết trong Đảng, tập hợp, đoàn kết, cổ vũ, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, các lực lượng xã hội phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian khổ, hy sinh để thực hiện mục tiêu, lý tưởng đó. Yêu cầu đặt ra với tầm nhìn là sự đúng đắn, chính xác của định hướng, mục tiêu đề ra, phù hợp với lý tưởng của Đảng, tính chất, xu thế của thời đại, yêu cầu phát triển của đất nước trong từng giai đoạn, có cơ sở, căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn, điều kiện của đất nước, khả thi, thể hiện khát vọng, ý chí quyết tâm phấn đấu cao nhưng không chủ quan, duy ý chí.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991 (Cương lĩnh năm 1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã đề ra tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI và đến khi kết thúc (hoàn thành) thời kỳ quá độ lên CNXH. Tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước là sự kế thừa, cụ thể hóa tầm nhìn, mục tiêu do Cương lĩnh đề ra. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước, là cơ sở bảo đảm sự nhất quán, kết nối, kế thừa trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng qua các kỳ Đại hội Đảng đến giữa thế kỷ XXI, bảo đảm sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trong đường lối phát triển đất nước. Đây cũng là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, xâm phạm quyền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của đất

nước ta; trong khi đó, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; thách thức trên con đường phát triển của đất nước còn nhiều, không thể xem thường, chủ quan, dao động, mất cảnh giác.

Sau hơn 35 năm đổi mới, con đường phát triển của đất nước ngày càng được xác định cụ thể hơn, đầy đủ hơn. Quá trình toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các quy luật phát triển cho phép, đồng thời đòi hỏi Việt Nam phải xác định được tầm nhìn, phải định vị được quốc gia trên bản đồ thế giới. Việt Nam xác định là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới thì cần phải xác định đất nước sẽ ở đâu trong tương lai. Đó là tầm nhìn mà Việt Nam cần hướng tới, không chỉ tạo ra động lực cho phát triển mà là một cam kết về quyết tâm phát triển của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Sự biến động của thế giới ngày nay càng đòi hỏi các quốc gia phải xác định được hướng đi, đích đến. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang đưa đến những cơ hội và những thách thức phát triển. Sự biến động của thế giới sẽ tác động đến mỗi quốc gia và Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ. Tầm nhìn chiến lược là yêu cầu cần thiết để nước ta làm chủ vận mệnh, chủ động trong việc xác định các kịch bản phát triển, ứng phó với biến động.

Lịch sử cho thấy, sự phát triển của các quốc gia, dân tộc trên thế giới luôn là một hành trình với nhiều khó khăn, nhiều thách thức. Lịch sử phát triển của nhân loại cũng cho thấy không có một mẫu hình chung cho mọi quốc gia, không thể phát triển bằng những mô hình vay mượn, chấp vá mà phải đổi mới sáng tạo, cần xác định được mục tiêu tương lai, có tầm nhìn chính thể, hệ thống.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy, thiết lập được tầm nhìn dài hạn, phù hợp là một trong những ngọn nguồn của thành công. Từ khi Đảng ra đời ngày 3-2-1930, đất nước đã đạt được những cột mốc quan trọng. 30 năm đầu từ 1930 - 1960, qua hai kỳ Đại hội của Đảng: Đại hội I (tháng 3-1935), Đại hội

II (tháng 2-1951), chúng ta giành chính quyền, tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, từng bước tiến hành cuộc cách mạng dân chủ; với ba kỳ Đại hội của Đảng, khoảng gần 30 năm từ 1960 - 1986, bắt đầu từ Đại hội III (tháng 9-1960), Đại hội IV (tháng 12-1976), Đại hội V (tháng 3-1982), nước ta hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN; tròn 30 năm từ 1986 - 2016, tiến hành toàn diện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tầm nhìn 30 năm từ 2016 - 2045, khi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tròn 100 năm chính là cơ sở để Việt Nam tạo nên sự bứt phá cho tương lai, hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

II. Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu phát triển đất nước

1. Quan điểm

Thứ nhất, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Thứ ba, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ,

nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

Thứ tư, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Thứ năm, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tầm nhìn

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI “phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Không chỉ có tầm nhìn về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI, Cương lĩnh của Đảng còn có tầm nhìn về phát triển đất nước xa hơn, tới khi kết thúc thời kỳ quá độ lên CNXH. Cương lĩnh xác định “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của CNXH với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”. Đồng thời, Cương lĩnh còn nêu ra 8 phương hướng cơ bản và 8 mối quan hệ lớn cần phải quán triệt, thực hiện tốt để thực hiện thành công các mục tiêu trên.

Tám phương hướng cơ bản là: 1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; 2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 3. Xây dựng nền

văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; 4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; 5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; 6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; 7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tám mối quan hệ lớn là: 1. Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; 2. Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; 3. Quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; 4. Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; 5. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; 6. Quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; 7. Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; 8. Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định 10 mối quan hệ: 1. Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; 2. Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; 3. Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; 4. Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; 5. Giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; 6. Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; 7. Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; 8. Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; 9. Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; 10. Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Các quan điểm, tầm nhìn của Cương lĩnh là cơ sở để xác định tầm nhìn của Đảng về phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đến năm 2045, năm kỷ niệm 100 năm thành lập Nước.

3. Mục tiêu

Đối với nước ta, quán triệt quan điểm việc xác định mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 là vừa phải quán triệt tư tưởng của Cương lĩnh, kế thừa quan điểm của Đại hội các nhiệm kỳ trước, vừa cần phải có những bổ sung cần thiết, phù hợp với bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và khả năng của đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên thế giới, nhiều tổ chức đã đưa ra các tiêu chí và phân loại các nước trên thế giới: Nước kém phát triển, nước đang phát triển, nước phát triển. Trong các nước đang phát triển lại phân thành hai loại nước: i) Nước đang phát triển, thu nhập trung bình thấp; ii) Nước đang phát triển, thu nhập trung bình cao. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới công bố ngày 1-7-2020, những nước có bình quân thu nhập dưới 4.035 USD/người là thu nhập trung bình thấp, từ 4.035 USD đến 12.535 USD/người là thu nhập trung bình cao, từ 12.535 USD trở lên là thu nhập cao.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua mục tiêu: Đến năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của nước ta đạt khoảng 4.700 - 5.000 USD, đến năm 2030 khoảng 7.500 USD. Trên nguyên tắc bảo đảm tính khoa học và thực tiễn; kế thừa và bổ sung, phù hợp với những thay đổi trong từng giai đoạn phát triển của đất nước; đồng thời nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước và những chuẩn mực chung của thế giới,

Đại hội XIII xác định mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, đến năm 2030 và năm 2045:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

III. Định hướng và nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030

1. Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (Total Factor Productivity - TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hoá khoảng 45%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Về môi trường: Đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn là 93 - 95%; tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỉ lệ khu

công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỉ lệ che phủ rừng ổn định 42%.

2. Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021- 2030

Một là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Hai là, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

Ba là, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Bốn là, phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội

thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

Năm là, quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Sáu là, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

Bảy là, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Tám là, tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.